

Đ/c: Số 5A ngõ 252/53 Tây Sơn, Đống Đa, HN

Môn: ĐẠI SỐ LỚP 6

PHIẾU SỐ 14

Thứ ... ngày

ĐIỂM SỐ

Họ tên:

Nhận xét:

(Ước mơ chỉ thành hiện thực khi bạn nỗ lực hành động,

Hãy hành động vì Ước mơ của bạn !)

=====^^=====

BÀI 14: ÔN TẬP

I/ TRẮC NGHIỆM.

Câu 1: Số XXI là biểu diễn bằng số La Mã của số nào sau đây?

A. 19.

B. 21.

C. 16.

D. 20.

Câu 2: Tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn hoặc bằng 9 là:

A. { 5; 6; 7; 8}.

B. {4; 5; 6; 7}.

C. {6;7; 8; 9}.

D. {7; 8; 9;10}.

Câu 3: Cho B là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 7. Phần tử không thuộc tập hợp B là:

A. 4.

B. 7.

C. 5.

D. 9.

Câu 4: Số tự nhiên chia hết cho 2 và 5 có chữ số tận cùng là:

A. 5.

B. 2 và 5.

C. 2.

D. 0.

Câu 5: Tổng $A = 90 + 20 + 35$ chia hết cho:

A. 2.

B. 5.

C. 3.

D. 10.

Câu 6: Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố

A. 16.

B. 27.

C. 2.

D. 35.

Câu 7: Kết quả phép tính $6^5 \cdot 6^3$ được ghi dưới dạng một lũy thừa bằng:A. 6^8 .B. 6^{15} .C. 36^8 .D. 12^8 .

Câu 8: Phân tích số 640 ra thừa số nguyên tố được kết quả là:

A. $2^7 \cdot 5$.B. $2^6 \cdot 5$.C. $2^5 \cdot 5$.D. $2^5 \cdot 5^2$.Câu 9: Biểu diễn phép tính sau về dạng một lũy thừa: $3 \cdot 3 \cdot 3 \cdot 9$ A. 3^4 .B. 3^5 .C. 3^6 .

D. 243.

Câu 10: Tổng các Ước của 10 là

A. 10.

B. 15.

C. 18.

D. 20

II. TỰ LUẬN.

Câu 11: Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a) $125 + 70 + 375 + 230$

b) $49.55 + 45.49$

c) $256 : (17.2^3 + 15.2^3)$

Câu 12: Tìm số tự nhiên x , biết:

a) $x - 4 = 3$

b) $x^3 + 17 = 44$

c) $85 - 3.(x+1) = 52$

d) x là bội của 3 và $3 \leq x < 9$

e) $\overline{45x0} \equiv 9$

Câu 13: Cô giáo mua 30 quyển vở, 20 chiếc bút bi và 15 cái thước kẻ để làm phần thưởng sơ kết học kì I. Biết giá tiền mỗi quyển vở là 3 000 đồng, mỗi chiếc bút bi là 4 000 đồng, mỗi chiếc thước kẻ là 5 000 đồng.

a) Tính số tiền cô giáo phải trả để mua hết số phần thưởng trên.

b) Cô giáo muốn chia số phần thưởng trên thành 5 phần quà, hỏi cô có thể chia đều số bút bi, thước kẻ và vở vào 5 phần quà đó không? Vì sao?

Câu 14: Cho $A = 4 + 4^2 + 4^3 + \dots + 4^{2025}$. Chứng minh A chia hết cho 21

BÀI TẬP VỀ NHÀ

TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Tập hợp các chữ cái Tiếng Việt trong cụm từ "TOÁN HỌC" là

A. {T; O; A; N; H; O; C}.

B. {T; O; A; N; H; C}.

C. {T; O; Á; N; H; C}.

D. {T; O; Á; N; H; O; C}.

Câu 2: Số 14 được biểu diễn bằng số La Mã là

A. XI.

B. XV.

C. XVI.

D. XIV.

Câu 3: Cho tập hợp $A = \{2; 4; 6; 8; 10\}$. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

A. $4 \in A$.

B. $3 \notin A$.

C. $7 \in A$.

D. $1 \notin A$.

Câu 4: Tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 5 và nhỏ hơn 10 là

A. $A = \{6; 7; 8; 9\}$. B. $A = \{5; 6; 7; 8; 9\}$. C. $A = \{6; 7; 8; 9; 10\}$. D. $A = \{6; 7; 8\}$.

Câu 5: Cho số tự nhiên $a = 1\ 254\ 382$. Chữ số 5 trong số a có giá trị là bao nhiêu?

A. 5. B. 5 000. C. 50 000. D. 50.

Câu 6: Phép tính nào sau đây đúng?

A. $2^2 \cdot 2^5 = 2^7$. B. $2^2 \cdot 2^5 = 2^{10}$. C. $2^2 \cdot 2^5 = 4^7$. D. $2^2 \cdot 2^5 = 4^{10}$.

Câu 7: Trong các tổng sau, tổng nào chia hết cho 3:

A. $400 + 30$. B. $123 + 93$. C. $13 + 27$. D. $2 \cdot 3 \cdot 4 + 25$.

Câu 8: Số nào sau đây là bội của 9?

A. 509. B. 3. C. 609. D. 153.

Câu 9: Có bao nhiêu số nguyên tố nhỏ hơn 10?

A. 4. B. 5. C. 7. D. 3.

Câu 10: Điền chữ số vào dấu * để số $\overline{37*}$ chia hết cho cả 2 và 5:

A. $* = 2$. B. $* = 5$. C. $* = 0$ và $* = 5$. D. $* = 0$

TỰ LUẬN.

Câu 11: Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể)

a) $347 + 256 + 53$

b) $48 \cdot 53 + 47 \cdot 48 + 130$

c) $120 : \left\{ 54 - \left[50 : 2 - (3^2 - 2 \cdot 4) \right] \right\}$

Câu 12: Tìm số tự nhiên x biết

a) $2024 - x = 2023$

b) $12 + 2 \cdot x = 18$.

c) $37 + 63 : (x - 7) = 46$

d) x là bội của 5 và $5 \leq x < 19$

e) $\overline{3x06} \div 9$

Câu 13: Cô giáo mua 25 quyển vở 20 chiếc bút chì và 15 cái tẩy để làm phần thưởng sơ kết học kì I. Biết giá tiền mỗi quyển vở là 4 000 đồng, mỗi chiếc bút chì là 5 000 đồng, mỗi cái tẩy là 3 000 đồng.

a) Tính số tiền cô phải trả để mua hết số phần thưởng trên.

b) Cô giáo muốn chia số phần thưởng trên thành 5 phần quà, hỏi cô có thể chia đều số bút chì, tẩy và vở vào 5 phần quà đó không? Vì sao?

Câu 14: Cho $B = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{120}$. Chứng minh B chia hết cho 13

Lời giải

[illegible]

This image shows a full page of white paper with horizontal dashed lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

[illegible]

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and extend across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.